

**Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**  
**Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

**Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

**1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu**

- Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế khu vực Chi Lăng.
- Tên gói thầu: Gói thầu số 3: Mua Vật tư y tế.
- Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Thực hiện mua vật tư y tế
- Giá gói thầu: 1.886.825.668 VND
- Nguồn vốn: Nguồn thu sự nghiệp y tế.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước qua mạng.
- Phương thức: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2025
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 03 tháng.
- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng

**1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

**1.2.1. Yêu cầu chung:**

- Hàng hóa phải có xuất xứ rõ ràng bao gồm (tên hàng hóa, ký mã hiệu đơn vị sản xuất, xuất xứ).
- Hàng hóa phải mới 100% nguyên đai, nguyên kiện, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, sản xuất năm 2024 trở lại đây.

**1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể**

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng/ kỹ thuật tối thiểu
1	PP2500531276	Băng bó bột 7,5cm x 3,6 m hoặc tương đương	Băng bó bột 7,5cm x 3,6 m hoặc tương đương	Làm từ bột thạch cao $\geq 97\%$ . Gạc 100% Cotton. Khối lượng của thạch cao 400g/m <sup>2</sup> – 420g/m <sup>2</sup> , Khối lượng gạc 28g/m <sup>2</sup> --- 29g/m <sup>2</sup> . Thời gian ngâm nước 4s --- 5s, Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng 7,5cm, chiều dài =365cm
2	PP2500531277	Băng bó bột 10cm x 3,6m hoặc tương đương	Băng bó bột 10cm x 3,6m hoặc tương đương	Làm từ bột thạch cao $\geq 97\%$ . Gạc 100% Cotton. Khối lượng của thạch cao 400g/m <sup>2</sup> – 420g/m <sup>2</sup> ,

				Khối lượng gạo 28g/m <sup>2</sup> --- 29g/m <sup>2</sup> . Thời gian ngâm nước 4s --- 5s, Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng 10cm, chiều dài =360cm
3	PP2500531278	Băng bó bột 15cm x 3,6m hoặc tương đương	Băng bó bột 15cm x 3,6m hoặc tương đương	Làm từ bột thạch cao $\geq 97\%$ . Gạo 100% Cotton. Khối lượng của thạch cao 400g/m <sup>2</sup> – 420g/m <sup>2</sup> , Khối lượng gạo 28g/m <sup>2</sup> --- 29g/m <sup>2</sup> . Thời gian ngâm nước 4s --- 5s, Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng 15cm, chiều dài =360cm
4	PP2500531279	Băng cuộn y tế to hoặc tương đương	Băng cuộn y tế to hoặc tương đương	Kích cỡ: 10cm*5m. Dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.
5	PP2500531280	Băng dính lụa 2,5cm x5m hoặc tương đương	Băng dính lụa 2,5cm x5m hoặc tương đương	Băng vải lụa silk, màu trắng. Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng, Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. Lõi: cuộn nhựa PP. Kích thước : 2,5cm x 5m. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)
6	PP2500531281	Băng dính lụa 5cm x5m hoặc tương đương	Băng dính lụa 5cm x5m hoặc tương đương	Băng vải lụa silk, màu trắng. Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng, Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. Lõi: cuộn nhựa PP. Kích thước : 5cm x 5m. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)
7	PP2500531282	Băng keo hấp nhiệt trong y tế hoặc tương đương	Băng keo hấp nhiệt trong y tế hoặc tương đương	Keo dính, băng nền và vach chỉ thị hóa học. Thành phần không chứa chì. Có độ co giãn tốt, chịu nhiệt độ cao. Thông số kỹ thuật: 12mmx50-56m, 19mmx50-56m, 25mmx50-56m. Áp dụng khử trùng: từ vàng sang đen
8	PP2500531283	Băng chun hoặc tương đương	Băng chun hoặc tương đương	Làm từ sợi Cotton se tròn kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Kích thước $\geq 10\text{cm} \times 4,5\text{m}$
9	PP2500531284	Bơm cho ăn 50ml hoặc tương đương	Bơm cho ăn 50ml hoặc tương đương	Bơm tiêm làm bằng nhựa PP y tế, không có chất DEHP. Dung

				tích 50ml, đầu to lắp vừa dây cho ăn, pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Được sản xuất trong Phòng sạch đạt chuẩn TCVN 8664:2011. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016/ EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015; TCVN 5903:1995
10	PP2500531285	Bơm tiêm điện 50ml hoặc tương đương	Bơm tiêm điện 50ml hoặc tương đương	Bơm tiêm làm bằng nhựa PP y tế, không có chất DEHP. Dung tích 50ml, đầu nhỏ lắp vừa kim tiêm các cỡ, pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Được sản xuất trong Phòng sạch đạt chuẩn TCVN 8664:2011. Tiêu chuẩn áp dụng ISO 13485:2016/ EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015; TCVN 5903:1995.
11	PP2500531286	Bơm tiêm nhựa 10ml hoặc tương đương	Bơm tiêm nhựa 10ml hoặc tương đương	Bơm tiêm làm bằng nhựa PP y tế, không có chất DEHP. Dung tích 10ml, cỡ kim 23Gx1", 25Gx1", pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Được sản xuất trong Phòng sạch đạt chuẩn TCVN 8664:2011. Tiêu chuẩn áp dụng ISO 13485:2016/ EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015; TCVN 5903:1995.
12	PP2500531287	Bơm tiêm nhựa 1ml hoặc tương đương	Bơm tiêm nhựa 1ml hoặc tương đương	Bơm tiêm làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 1ml, cỡ kim 26Gx1/2", 25Gx5/8". Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Bao bì đơn vị là dạng giấy ép vì gồm hai thành phần: Giấy thấm khí và bao phim, cho phép hàn kín trước khi tiệt trùng bằng EO, đảm bảo vô trùng, tránh bị tái nhiễm và thoát hết khí E.O tồn dư. Được sản xuất trong Phòng sạch đạt chuẩn TCVN 8664:2011. Tiêu chuẩn áp dụng ISO 13485:2016/ EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015; TCVN 5903:1995.

13	PP2500531288	Bơm tiêm nhựa 20ml hoặc tương đương	Bơm tiêm nhựa 20ml hoặc tương đương	Bơm tiêm làm bằng nhựa PP y tế, không có chất DEHP. Dung tích 20ml, cỡ kim 23Gx1", pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Được sản xuất trong Phòng sạch đạt chuẩn TCVN 8664:2011. Tiêu chuẩn áp dụng ISO 13485:2016/ EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015; TCVN 5903:1995.
14	PP2500531289	Bơm tiêm nhựa 3ml hoặc tương đương	Bơm tiêm nhựa 3ml hoặc tương đương	Bơm tiêm làm bằng nhựa PP y tế, không có chất DEHP. Dung tích 3ml, cỡ kim 23Gx1", 25Gx1", 25Gx5/8", pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Bao bì đơn vị là dạng giấy ép vi gồm hai thành phần: Giấy thấm khí và bao phim, cho phép hàn kín trước khi tiệt trùng bằng EO, đảm bảo vô trùng, tránh bị tái nhiễm và thoát hết khí E.O tồn dư. Được sản xuất trong Phòng sạch đạt chuẩn TCVN 8664:2011. Tiêu chuẩn áp dụng ISO 13485:2016/ EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015; TCVN 5903:1995.
15	PP2500531290	Bơm tiêm nhựa 5ml hoặc tương đương	Bơm tiêm nhựa 5ml hoặc tương đương	Bơm tiêm làm bằng nhựa PP y tế, không có chất DEHP. Dung tích 5ml, cỡ kim 23Gx1", 25Gx1", 25Gx5/8", pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Bao bì đơn vị là dạng giấy ép vi gồm hai thành phần: Giấy thấm khí và bao phim, cho phép hàn kín trước khi tiệt trùng bằng EO, đảm bảo vô trùng, tránh bị tái nhiễm và thoát hết khí E.O tồn dư. . Được sản xuất trong Phòng sạch đạt chuẩn TCVN 8664:2011. Tiêu chuẩn áp dụng ISO 13485:2016/ EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015; TCVN 5903:1995
16	PP2500531291	Bộ hoá chất nhuộm Gram hoặc tương đương	Bộ hoá chất nhuộm Gram hoặc tương đương	Phù hợp với kính hiển vi: Đạt thử nghiệm Staphylococcus aureus: Xanh tím

				đậm E.coli: Hồng đến đỏ
17	PP2500531292	Bông thấm nước hoặc tương đương	Bông thấm nước hoặc tương đương	Thành phần: 100% sợi cotton từ bông xơ tự nhiên, được tẩy trắng bằng công nghệ Hydrogen peroxide thân thiện với môi trường. - Chất hoạt động bề mặt: $\leq 2\text{mm}$ , Tốc độ chìm: $< 8\text{s}$ , Khả năng hút nước: $>100\text{g}$ , Chất tan trong ether: không quá 0,5%, Chất tan trong nước: không quá 0,5%, Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0%, Tro sunfat: không quá 0.4% - Định tính: ngâm dung dịch kẽm clorua-iod -> Sợi chuyển qua màu tím - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016, EC, GMP.
18	PP2500531293	Bột KOH nguyên chất	Bột KOH nguyên chất	Bột KOH nguyên chất Hộp 500 gam
19	PP2500531294	Canuyn mayor các cỡ hoặc tương đương	Canuyn mayor các cỡ hoặc tương đương	Không gây độc, không gây kích ứng, tiệt trùng bằng khí EO, có hộp bảo vệ, sử dụng một lần. Các cỡ: 2; 3; 4
20	PP2500531295	Chỉ catgut số 1 HR 40s hoặc tương đương	Chỉ catgut số 1 HR 40s hoặc tương đương	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Hấp thụ hoàn toàn trong khoảng 56-90 ngày. Khoảng 50% sức căng duy trì khoảng 14 ngày và hết hoàn toàn sau 28 ngày Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE;
21	PP2500531296	Chỉ catgut số 2 hoặc tương đương	Chỉ catgut số 2 hoặc tương đương	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm Collagen tinh khiết, đơn sợi, số 2 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 26mm, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon
22	PP2500531297	Chỉ line Pháp hoặc tương đương	Chỉ line Pháp hoặc tương đương	Chất liệu: 100% cotton, kích thước $\geq 360\text{m}$
23	PP2500531298	Chỉ nylon (Polyamide polymer) số 2/0 hoặc tương đương	Chỉ nylon (Polyamide polymer) số 2/0 hoặc tương đương	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi, chất liệu Polyamide 6-6.6 (Nylon), màu xanh dương, có lớp bao phủ silicon, số 2/0, dài 75cm. Kim tam giác 3/8c, dài 26mm, bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy tráng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80. Đạt TC ISO

24	PP2500531299	Chỉ nylon (Polyamide polymer) số 3/0 hoặc tương đương	Chỉ nylon (Polyamide polymer) số 3/0 hoặc tương đương	Chỉ phẫu thuật số 3/0 đơn sợi không tiêu diệt trùng được làm từ polyamide. Kim tam giác 3/8, kim dài 26mm làm bằng thép không gỉ. Chỉ dài 75cm. Kim phủ silicone
25	PP2500531300	Chỉ nylon (Polyamide polymer) số 5/0 hoặc tương đương	Chỉ nylon (Polyamide polymer) số 5/0 hoặc tương đương	Số 5/0, kim tam giác 3/8C, kim 16mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu diệt trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
26	PP2500531301	Chỉ nylon (Polyamide polymer) số 4/0 hoặc tương đương	Chỉ nylon (Polyamide polymer) số 4/0 hoặc tương đương	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide 6, số 4/0; dài 75cm, kim DS24 phủ silicone, Đạt tiêu chuẩn ISO:13485 , CE;
27	PP2500531302	Chỉ polyglactin kháng khuẩn số 1 hoặc tương đương	Chỉ polyglactin kháng khuẩn số 1 hoặc tương đương	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Polyglycolide-co-L-Lactide) - Công thức: (glycolide-colactide) (C <sub>2</sub> H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> ) <sub>m</sub> (C <sub>3</sub> H <sub>4</sub> O <sub>2</sub> ) <sub>n</sub> ; Hàm lượng thuốc nhuộm ≤0,2wt%; dài ≥ 75cm kim tròn 1/2C dài ≥ 26mm. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không gỉ phủ silicone
28	PP2500531303	Chỉ polypropylene số 1 hoặc tương đương	Chỉ polypropylene số 1 hoặc tương đương	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 1, dài 90cm, kim bằng thép không gỉ 300 phủ silicone kim tròn đầu tròn 40mm, 1/2 vòng tròn.Tiêu chuẩn ISO 13485, CE
29	PP2500531304	Chỉ polypropylene số 3/0 hoặc tương đương	Chỉ polypropylene số 3/0 hoặc tương đương	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 3/0, dài 90cm, 2 kim tròn 25mm, vòng kim 1/2C. Kim bằng thép không gỉ bọc silicone . Độ bền kéo đứt nút hơn 20% - 50% số với USP. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiêu chuẩn CE - Châu Âu
30	PP2500531305	Chỉ polypropylene số 4/0 hoặc tương đương	Chỉ polypropylene số 4/0 hoặc tương đương	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polypropylene số 4/0 dài 90cm 2 kim tròn 1/2C dài 20mm. Kim bằng thép không gỉ 302 bọc silicone, đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiêu chuẩn CE - Châu Âu

31	PP2500531306	Chỉ polypropylene số 5/0 hoặc tương đương	Chỉ polypropylene số 5/0 hoặc tương đương	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 5/0, 2 kim tròn 1/2C, kim 20mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Chỉ có màu xanh. Độ bền kéo đứt nút hơn 20% - 50% so với USP. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP.
32	PP2500531307	Chỉ Surgicryl 910 số 2 hoặc tương đương	Chỉ Surgicryl 910 số 2 hoặc tương đương	Chỉ phẫu thuật tổng hợp, tan trung bình, đa sợi chất liệu: (Polyglactin 910) gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. )Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày). số 2, chỉ dài 75cm, kim tròn dài 26mm phủ silicon, cong 1/2 vtr.
33	PP2500531308	Chỉ Surgicryl 910 số 2/0 hoặc tương đương	Chỉ Surgicryl 910 số 2/0 hoặc tương đương	Chỉ phẫu thuật tổng hợp, tan trung bình, đa sợi chất liệu: (Polyglactin 910) gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. )Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày). số 2/0, chỉ dài 75cm, kim tròn dài 26mm phủ silicon, cong 1/2 vtr.
34	PP2500531309	Chỉ Surgicryl 910 số 3/0 hoặc tương đương	Chỉ Surgicryl 910 số 3/0 hoặc tương đương	Chỉ phẫu thuật tổng hợp, tan trung bình, đa sợi chất liệu: (Polyglactin 910) gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. )Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày). số 3/0, chỉ dài 75cm, kim tròn dài 26mm phủ silicon, cong 1/2 vtr.
35	PP2500531310	Chỉ thép liền kim số 5V40 hoặc tương đương	Chỉ thép liền kim số 5V40 hoặc tương đương	Chỉ thép số 5 dài 4 sợi dài 45cm kim 1/2 kim tròn đầu cắt vòng kim 48mm. Kim thép 300, 302 phủ silicone
36	PP2500531311	Cốc đựng đờm hoặc tương đương	Cốc đựng đờm hoặc tương đương	Sử dụng 1 lần, chất liệu nhựa PVC.

				Đường kính dưới 4,5cm, đường kính trên 6cm, chiều cao 3,5cm, nắp vặn. Trên nắp và cạnh thành của cốc đựng đờm có đám mờ ghi tên bệnh nhân
37	PP2500531312	Cồn 70 độ hoặc tương đương	Cồn 70 độ hoặc tương đương	Cồn dùng trong y tế, Độ cồn thực đạt 70% được dụng.. Dung tích $\geq 500\text{ml}$
38	PP2500531313	Cồn 90 độ hoặc tương đương	Cồn 90 độ hoặc tương đương	Cồn dùng trong y tế, Độ cồn thực đạt 90% Ethanol. Đóng chai $\geq 500\text{ml}$
39	PP2500531314	Cồn tuyệt đối hoặc tương đương	Cồn tuyệt đối hoặc tương đương	Nồng độ Ethanol $\geq 99,5\%$ . Đóng chai 500ml
40	PP2500531315	Cidezym hoặc tương đương	Cidezym hoặc tương đương	Dung dịch ngâm làm sạch và tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme, thành phần: Enzyme Protease (subtilisin) 0,5 % (w/w). Hiệu quả nhanh sau thời gian tối thiểu 1 phút. pH trung tính không gây ăn mòn dụng cụ, kim loại. Tương thích với nhiều loại vật liệu, dụng cụ. Quy cách: Chai 1 L
41	PP2500531316	Dầu Parafin 5ml hoặc tương đương	Dầu Parafin 5ml hoặc tương đương	Thành phần Parafin: 5ml 50 ống/hộp
42	PP2500531317	Dầu Parafin hoặc tương đương	Dầu Parafin hoặc tương đương	Ở thể lỏng dưới dạng dầu, trong suốt, không màu, không mùi, không vị. Với độ tinh khiết cao.
43	PP2500531318	Dầu soi	Dầu soi	Dầu trong suốt có hiệu suất cao, chỉ số khúc xạ (nD) $\geq 1,5$ . Đạt TCCS Lọ/Chai: 500ml
44	PP2500531319	Dây dẫn đường cho Catheter loại ái nước hoặc tương đương	Dây dẫn đường cho Catheter loại ái nước hoặc tương đương	Lõi là vật liệu Nitinol Có phủ ái nước. Phủ cản quang bằng vàng vượt trội nhờ Gold marker. Kích thước: Chiều dài: 150cm Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3cm Đường kính: 0,035"
45	PP2500531320	Dây dẫn đường mềm, Cobra phủ Hydrophilic hoặc tương đương	Dây dẫn đường mềm, Cobra phủ Hydrophilic hoặc tương đương	75cm dây dẫn hướng làm bằng Hydrophilic một đầu cứng - một đầu linh hoạt. Màu sắc sọc đen và vàng. Làm bằng Nitinol. Dài 150cm. Các size 0.032"; 0.035"; 0.038".
46	PP2500531321	Đầu côn vàng hoặc tương đương	Đầu côn vàng hoặc tương đương	Có khóa, màu vàng, bằng nhựa PP, không DNase và không RNase, Đầu côn được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet, đảm bảo lực hút của cây micropipette thành trong đầu côn không dính

				nước, đảm bảo dung tích chính xác khi bơm. Dung tích 200 $\mu$ l.
47	PP2500531322	Đầu côn xanh hoặc tương đương	Đầu côn xanh hoặc tương đương	Được làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase.
48	PP2500531323	Dầu sả hoặc tương đương	Dầu sả hoặc tương đương	Màu vàng, màu hơi nâu có mùi thơm. Hàm lượng Citronellal (6-octenal, 3,7-dimethyl) đạt 24,96%
49	PP2500531324	Dây ga rô tĩnh mạch hoặc tương đương	Dây ga rô tĩnh mạch hoặc tương đương	Sản phẩm được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt, có băng gai dính 2 đầu, miếng băng gai bên chắc, dễ thao tác hoặc có khóa nhựa. Sản phẩm có thể sử dụng lại nhiều lần. Sản phẩm có độ co giãn tốt, các góc cạnh không được sắc, cứng gây trầy xước da, dị ứng, làm sưng rát, đỏ đau trong quá trình sử dụng.
50	PP2500531325	Dây hút nhót số 6 hoặc tương đương	Dây hút nhót số 6 hoặc tương đương	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu có màu tương ứng với các size, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.
51	PP2500531326	Dây hút nhót số 8 hoặc tương đương	Dây hút nhót số 8 hoặc tương đương	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu có màu tương ứng với các size, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.
52	PP2500531327	Dây hút nhót số 12 hoặc tương đương	Dây hút nhót số 12 hoặc tương đương	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu có màu tương ứng với các size, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.
53	PP2500531328	Dây hút nhót số 14 hoặc tương đương	Dây hút nhót số 14 hoặc tương đương	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu có màu tương ứng với các size, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.

54	PP2500531329	Dây khí dung cho trẻ em hoặc tương đương	Dây khí dung cho trẻ em hoặc tương đương	<p>Làm từ nhựa PVC, không gây kích ứng, bề mặt mềm mại, mịn màng, trong suốt.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế thích hợp với tất cả các loại máy khí dung.</li> <li>- Có dụng cụ chứa thuốc. Dây dẫn chính có chiều dài 2m.</li> <li>- Mặt nạ có dây đeo đàn hồi. Bầu đựng thuốc 6ml. Tốc độ phun sương từ 0.60ml- 0.70ml/phút. Giọt phun sương từ 0.010ml -&gt; 0.014ml/giọt.</li> <li>- bao gồm mặt nạ, cốc thuốc, dây nối, thất lưng đàn hồi, kẹp mũi (nhôm flake) có thể điều chỉnh và ống nối</li> <li>- Sản phẩm được dùng để quản lý thuốc cho người bệnh dưới dạng sương mù hít vào phổi</li> <li>- Gồm các size : S, M,</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE</p>
55	PP2500531330	Dây thở o xy mắt kính hoặc tương đương	Dây thở o xy mắt kính hoặc tương đương	<p>Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống dây mềm, chống vặn xoắn.</li> <li>- Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc</li> <li>- Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong.</li> <li>- Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn</li> <li>- Dây dẫn có chiều dài <math>\geq 2</math> m, lòng ống có khóa chống gập.</li> <li>- Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO</li> </ul>
56	PP2500531331	Dây truyền dịch hoặc tương đương	Dây truyền dịch hoặc tương đương	<p>Chiều dài dây <math>\geq 155</math>cm làm bằng nhựa PVC. Dung tích buồng nhỏ giọt <math>\geq 6</math>ml có màng lọc dịch kích thước 15 micromet. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay.</p>
57	PP2500531332	Dây truyền dịch hoặc tương đương	Dây truyền dịch hoặc tương đương	<p>Dây truyền dịch, Buồng 20 giọt, công tiêm thuốc chữ Y Màng lọc dịch <math>\leq 15\mu\text{m}</math>. Màng lọc vi khuẩn <math>\leq 0,2\mu\text{m}</math> tại van thông khí Dây dài <math>\geq 180</math>cm. Chất liệu PVC Đầu nối vặn xoắn chống rò rỉ; Khóa lăn chỉnh giọt Chịu áp lực lên tới 3bar</p>
58	PP2500531333	Dây truyền máu hoặc tương đương	Dây truyền máu hoặc tương đương	<p>Dây dài 180cm, màng lọc siêu nhỏ với kích thước lỗ lọc khoảng <math>200\mu\text{m}</math>. Tốc độ dòng chảy: 20</p>

				giọt/mL. Không chứa chất DEHP, Chất liệu dây: PVC, có kim truyền không cánh cỡ 18G, Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2016.
59	PP2500531334	Dây xông dạ dày cỡ 6 hoặc tương đương	Dây xông dạ dày cỡ 6 hoặc tương đương	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. - Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. - Các cỡ 5,6,8,10,12,14,16,18. Màu theo cỡ số để nhận biết. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)
60	PP2500531335	Dây xông dạ dày cỡ 8 hoặc tương đương	Dây xông dạ dày cỡ 8 hoặc tương đương	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. - Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. - Các cỡ 5,6,8,10,12,14,16,18. Màu theo cỡ số để nhận biết. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)
61	PP2500531336	Dây xông dạ dày cỡ 10 hoặc tương đương	Dây xông dạ dày cỡ 10 hoặc tương đương	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. - Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. - Các cỡ 5,6,8,10,12,14,16,18. Màu theo cỡ số để nhận biết. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)
62	PP2500531337	Dây xông dạ dày cỡ 12 hoặc tương đương	Dây xông dạ dày cỡ 12 hoặc tương đương	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. - Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. - Các cỡ 5,6,8,10,12,14,16,18. Màu theo cỡ số để nhận biết. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)
63	PP2500531338	Dây xông dạ dày cỡ 14 hoặc tương đương	Dây xông dạ dày cỡ 14 hoặc tương đương	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. - Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. - Các cỡ 5,6,8,10,12,14,16,18. Màu theo cỡ số để nhận biết. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)
64	PP2500531339	Dây xông dạ dày cỡ 16 hoặc tương đương	Dây xông dạ dày cỡ 16 hoặc tương đương	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. - Có vạch đánh dấu, có mắt phụ,

				đầu ống được mài nhẵn. - Các cỡ 5,6,8,10,12,14,16,18. Màu theo cỡ số để nhận biết. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)
65	PP2500531340	Đè lưỡi gỗ vô khuẩn hoặc tương đương	Đè lưỡi gỗ vô khuẩn hoặc tương đương	Vô khuẩn, bằng gỗ tự nhiên, chiều dài $\geq 150\text{mm}$ , chiều rộng $\geq 20\text{mm}$ , độ dày khoảng 2mm
66	PP2500531341	Điện cực tim hoặc tương đương	Điện cực tim hoặc tương đương	Loại dùng cho người lớn, đường kính 50mm, loại dùng cho trẻ em, đường kính 30mm, loại Foam màu trắng
67	PP2500531342	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ hoặc tương đương	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ hoặc tương đương	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế chứa thành phần: Glutaraldehyde 2,55 % (w/w), hệ đệm pH= 5-6. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 10 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Thời gian đồ ra chậu ngâm: Tối đa 30 ngày Tặng kèm test thử. Can 5 lít
68	PP2500531343	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ nhanh hoặc tương đương	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ nhanh hoặc tương đương	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần -Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, pH 7.2 - 7.8. trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can $\geq 75$ ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate), có que thử, dùng được $\geq 75$ ngày sau khi mở nắp bình. - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, Trực khuẩn lao (Mycobacterium bovis). - Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. - Có chứng nhận tương thích của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz.). Đóng can $\geq 5$ lít

69	PP2500531344	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ, hỗn hợp 5 enzyme hoặc tương đương	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ, hỗn hợp 5 enzyme hoặc tương đương	Enzyme protease: 0.5% (w/w), lipase: 0.2%, amylase: 0.15% (w/w), cellulase : 0.05% (w/w), mannanase : 0.05% (w/w) Chai 1 lít
70	PP2500531345	Gạc phẫu thuật không dệt hoặc tương đương	Gạc phẫu thuật không dệt hoặc tương đương	Sản phẩm được làm từ chất liệu vải không dệt. Không có hóa chất tẩy trắng, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột. Tốc độ hút nước $\leq 5$ giây. Độ pH: trung tính. Độ ẩm: $\leq 8\%$ . Độ trắng: $\geq 80\%$ . Được tiệt trùng. Kích thước 7,5cmx7,5cmx6 lớp ( $\pm 2$ mm). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
71	PP2500531346	Gạc mềm hoặc tương đương	Gạc mềm hoặc tương đương	Được làm từ 100% sợi cotton - Khả năng thấm hút cao và nhanh - Mềm mại, mịn màng không gây kích ứng da - Thân thiện với môi trường
72	PP2500531347	Găng sạch hoặc tương đương	Găng sạch hoặc tương đương	Kích cỡ: Chiều dài tổng thể tối thiểu tất cả các số 240mm; Chiều rộng: S (80mm $\pm 10$ ); M (95mm $\pm 10$ ); L (110mm $\pm 10$ ); XL $\geq 111$ . độ giãn dài tối thiểu trước lão hóa (650%) và độ dẫn dài tối thiểu sau lão hóa (500%); Độ dai tối thiểu trước khi dùng 18MPa và độ dai tối thiểu sau khi dùng 14MPa. Hàm lượng bột tối đa 10mg/dm <sup>2</sup> . Đạt tiêu chuẩn ISO
73	PP2500531348	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ hoặc tương đương	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ hoặc tương đương	Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 6 1/2: 83 $\pm$ 5mm, Size 7: 89 $\pm$ 5mm, Size 7 1/2: 95 $\pm$ 5mm. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: min 700%, Sau lão hóa: min 550%. Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200 $\mu$ g/dm <sup>2</sup> , mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO. Hệ thống quản lý chất lượng ISO
74	PP2500531349	Gel siêu âm hoặc tương đương	Gel siêu âm hoặc tương đương	Cảm quan trong, đồng nhất, tan hoàn toàn trong nước. Độ PH (dung dịch 20% trong nước): 4,0-8,0. Giới hạn arsen không lớn hơn 10 pmm. Không có Formaldehyd, không kích ứng da.
75	PP2500531350	Giấy điện tim 6 cần hoặc tương đương	Giấy điện tim 6 cần hoặc tương đương	Giấy điện tim 6 cần kích thước 110mm x 140mm x 143Tờ

76	PP2500531351	Giấy in nhiệt 58mmx30mm hoặc tương đương	Giấy in nhiệt 58mmx30mm hoặc tương đương	Kích thước 58MM X 30M X 16MM
77	PP2500531352	Giấy in nhiệt Kích thước 50mm x 30mm hoặc tương đương	Giấy in nhiệt Kích thước 50mm x 30mm hoặc tương đương	Kích thước 50MM X 30M X 16MM
78	PP2500531353	Giấy in monitor tim thai	Giấy in monitor tim thai	Thép 150 mm x 100 mm x 150 sheet
79	PP2500531354	Hemolok hoặc tương đương	Hemolok hoặc tương đương	<p>Chất liệu Polymer, cỡ XL</p> <p>*Chất liệu: clip chất liệu acetyl homopolymer, không phát ra bức xạ, không toả nhiệt ra mô xung quanh trong quá trình sử dụng. Bản lề rộng cho phép bao trùm nhiều mô hơn các clip kim loại. Các răng vuông góc cung cấp độ bao phủ bề mặt lớn hơn, ức chế sự di chuyển, tăng bít mạch máu</p> <p>* Có khoá an toàn và chắc chắn, đóng gói 6 cái/ vi; 14 vi/hộp</p> <p>* Vi màu vàng kim (Gold), phù hợp mô và mạch máu có đường kính 7mm-16mm, chiều rộng clip (độ dày chân clip) 1,305+-0,127mm; chiều dài clip (chiều dài chân clip) 16,92+-0,1mm; đường kính máu khoá 1,286mm; đường kính máu lõi 1,291mm</p> <p>Chứng nhận chất lượng: ISO13485, FDA</p>
80	PP2500531355	Kẹp rón nhựa hoặc tương đương	Kẹp rón nhựa hoặc tương đương	<p>Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, không chứa DEHP, không gây độc, không gây kích ứng. Gồm 2 phần nối với nhau bằng các khớp răng, màu trắng trong, cứng, nhẵn.</p> <p>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</p>
81	PP2500531356	Khẩu trang giấy hoặc tương đương	Khẩu trang giấy hoặc tương đương	<p>Chất liệu: vải không dệt. Không độc tố, có thanh nẹp mũi, gồm 3 lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp 1: vải không dệt ES trắng không xơ sợi, không xù lông, thấm hút mồ hôi tạo thoải mái cho người sử dụng</li> <li>- Lớp 2: vải không dệt xanh/ trắng, không thấm nước.</li> <li>- Lớp giữa: giấy lọc cao cấp</li> <li>- Dây đeo: dây thun mềm mại, đàn hồi tốt.</li> <li>- Thanh tựa mũi: nhựa PP định hình</li> </ul>

				<p>Kích thước 90 x 175mm          Tiệt trùng: Ethylene Oxide, vô trùng.          Đóng gói: 1 cái/ gói.          Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001.</p>
82	PP2500531357	Kim khâu vết thương hoặc tương đương	Kim khâu vết thương hoặc tương đương	<p>Được sản xuất bằng thép Cacbon với công nghệ sản xuất hiện đại cho đầu kim nhọn, sắc nhọn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Công dụng: dùng để khâu vết thương.</li> <li>• Được sản xuất bằng thép Cacbon với công nghệ sản xuất hiện đại cho đầu kim nhọn, sắc nhọn.</li> <li>• Công dụng: dùng để khâu vết thương.</li> <li>• Kích thước:             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tam giác - tròn: 5*14</li> <li>- Tam giác - tròn: 7*17</li> <li>- Tam giác - tròn: 8*20</li> <li>- Tam giác - tròn: 9*24</li> <li>- Tam giác - tròn: 10*34</li> <li>- Tam giác - tròn: 11*34</li> <li>- Tam giác - tròn: 13*34</li> </ul> </li> </ul>
83	PP2500531358	Kim lấy thuốc vô trùng hoặc tương đương	Kim lấy thuốc vô trùng hoặc tương đương	<p>Đế kim được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Cỡ kim 18Gx1 1/2" , 25Gx1" , 23Gx1" , 25Gx5/8" , 26Gx1/2" kim sắc bén. Sản phẩm đóng gói dạng ép vỉ đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Được sản xuất trong Phòng sạch đạt chuẩn TCVN 8664:2011. Tiêu chuẩn áp dụng EN ISO 13485:2016; ISO 9001:2015.</p>
84	PP2500531359	Kim nha khoa hoặc tương đương	Kim nha khoa hoặc tương đương	<p>Kim nha khoa (Dental Needle) sắc nhọn nhờ sử dụng công nghệ cắt vát 2 lần. Cỡ kim được phân biệt bằng màu sắc trên đốc kim theo tiêu chuẩn ISO 13485, EC. Cán kim dài để cầm khi chọc nhiều vùng ven khác nhau. Cỡ kim: 27Gx13/16. Quy cách đóng gói: 100 cái/hộp, đóng gói từng chiếc bằng vỏ nhựa cứng đảm bảo an toàn.</p>
85	PP2500531360	Kim cấy chỉ hoặc tương đương	Kim cấy chỉ hoặc tương đương	<p>Kim cấy chỉ vô trùng dùng một lần; - Bao gồm các thành phần chính: Ống bảo vệ, Thân Kim, Lõi kim; - Thân kim và lõi kim</p>

				<p>được sản xuất từ sợi thép y tế không biến tính.; - Hộp đựng kim, ống lót, ống bảo vệ được làm từ nhựa PP y tế; - Thân kim có các vạch chia; - Màu giá đỡ kim: Cam, xanh, đen, xanh lá, vàng, trắng, hồng; - Màu ống bảo vệ: Không màu; - Các kích thước: 0,7x55mm;0,8x55mm;0,9x68mm</p>
86	PP2500531361	Kim châm cứu hoặc tương đương	Kim châm cứu hoặc tương đương	<p>Cán đồng, có khuyên, thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Vô trùng Độ cứng <math>\geq 420</math> và <math>\leq 680</math> HV (0,2kg) Thân kim được làm bằng chất liệu chống ăn mòn tốt Lực châm đầu kim: Đường kính 0,12<math>\geq</math>0,25mm lực 0,7N Đường kính 0,25<math>\leq</math>0,35mm lực 0,8N Đường kính 0,35<math>\leq</math>0,45mm lực 0,9N 10 vi nhôm x 10 kim (lấy từng kim). Kích thước : 0,30mmx50mm; 0,30mmx25mm; 0,30mmx40mm; 0,25mmx25mm; 0,25mmx50mm; 0,25mmx40mm; 0,30mmx75mm. Tiệt trùng bằng khí EO, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>
87	PP2500531362	Kim chọc dò tuỷ sống các số hoặc tương đương	Kim chọc dò tuỷ sống các số hoặc tương đương	<p>Mũi kim được cắt vát hình dạng kim cương cho phép thâm nhập dễ dàng. Đốc kim trong suốt có phản quang dễ dàng quan sát thấy dịch chảy ra, có đánh dấu mặt vát hướng lên hướng xuống. Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. Số 27G (0,4 x 89mm). Số 25G</p>
88	PP2500531363	Khoá 3 trục (Van 3 ngã) hoặc tương đương	Khoá 3 trục (Van 3 ngã) hoặc tương đương	<p>Khóa ba ngã không dây nối, 1 đầu có kết nối với khóa luer lock rất chặt. Thân khóa trong suốt. Cho phép xoay vòng 360. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.</p>
89	PP2500531364	Kim luồn tĩnh mạch hoặc tương đương	Kim luồn tĩnh mạch hoặc tương đương	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa, 4 đường cản quang</li> <li>• Catheter FEP kháng xoắn, chắn bức xạ đặc biệt, dễ truyền với lưu lượng tối ưu, sản xuất từ nguyên</li> </ul>

				<p>liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim lên đến 96 giờ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cánh linh hoạt giúp cố định dễ dàng và an toàn</li> <li>• Kim: 3 mặt vát, làm từ thép không gỉ, sắc bén, phủ 1 lớp silicon</li> <li>• Nắp bảo vệ kim: ống hình trụ, làm từ nhựa polypropylene</li> <li>• Cửa chích thuốc với van silicon một chiều chất lượng cao tránh xì rỉ dịch</li> <li>• Chuôi kim trong suốt dễ dàng cho việc quan sát</li> <li>• Mặt cắt backcut giúp tiếp cận tĩnh mạch tròn tru, nhẹ nhàng.</li> <li>• Trim Length, khoảng cách từ đầu kim luôn đến đầu mặt vát: 0mm ~ 1mm (ISO 10555)</li> <li>• Sử dụng 1 lần</li> <li>• Tiết trùng khí EO.</li> </ul> <p>TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông số kỹ thuật: Size kim - lưu lượng chảy</li> </ul> <p>10705: 20G: 1.1x32mm - 61ml/min</p>
90	PP2500531365	Kim luôn tĩnh mạch hoặc tương đương	Kim luôn tĩnh mạch hoặc tương đương	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kim luôn tĩnh mạch có cánh, có cửa, 4 đường cản quang</li> <li>• Catheter FEP kháng xoắn, chắn bức xạ đặc biệt, dễ truyền với lưu lượng tối ưu, sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim lên đến 96 giờ</li> <li>• Cánh linh hoạt giúp cố định dễ dàng và an toàn</li> <li>• Kim: 3 mặt vát, làm từ thép không gỉ, sắc bén, phủ 1 lớp silicon</li> <li>• Nắp bảo vệ kim: ống hình trụ, làm từ nhựa polypropylene</li> <li>• Không dị ứng, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân</li> <li>• Chuôi kim ôm sát thân kim dễ dàng thao tác</li> <li>• Cửa chích thuốc với van silicon một chiều chất lượng cao tránh xì rỉ dịch</li> <li>• Chuôi kim trong suốt dễ dàng cho việc quan sát</li> <li>• Mặt cắt backcut giúp tiếp cận tĩnh mạch tròn tru, nhẹ nhàng.</li> <li>• Trim Length, khoảng cách từ</li> </ul>

				<p>đầu kim luôn đến đầu mặt vát: 0mm ~ 1mm (ISO 10555)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sử dụng 1 lần, Tiệt trùng khí EO.</li> </ul> <p>TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông số kỹ thuật: Size kim - lưu lượng chảy 10706: 22G: 0.9x25mm - 36ml/min</li> </ul>
91	PP2500531366	Kim luôn tĩnh mạch hoặc tương đương	Kim luôn tĩnh mạch hoặc tương đương	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kim luôn tĩnh mạch có cánh, có cửa, 4 đường cản quang</li> <li>• Catheter FEP kháng xoắn, chắn bức xạ đặc biệt, dễ truyền với lưu lượng tối ưu, sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim lên đến 96 giờ</li> <li>• Cánh linh hoạt giúp cố định dễ dàng và an toàn</li> <li>• Kim: 3 mặt vát, làm từ thép không gỉ, sắc bén, phủ 1 lớp silicon</li> <li>• Nắp bảo vệ kim: ống hình trụ, làm từ nhựa polypropylene</li> <li>• Không dị ứng, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân</li> <li>• Chuôi kim ôm sát thân kim dễ dàng thao tác</li> <li>• Cửa chích thuốc với van silicon một chiều chất lượng cao tránh xì rỉ dịch</li> <li>• Chuôi kim trong suốt dễ dàng cho việc quan sát</li> <li>• Mặt cắt backcut giúp tiếp cận tĩnh mạch trơn tru, nhẹ nhàng.</li> <li>• Trim Length, khoảng cách từ đầu kim luôn đến đầu mặt vát: 0mm ~ 1mm (ISO 10555)</li> <li>• Sử dụng 1 lần, Tiệt trùng khí EO.</li> </ul> <p>TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông số kỹ thuật: Size kim - lưu lượng chảy 10707: 24G: 0.7x19mm - 23ml/min</li> </ul>
92	PP2500531367	Lam kính mài hoặc tương đương	Lam kính mài hoặc tương đương	<p>Lam kính mài một đầu, trong suốt, bề mặt phẳng, không mốc. Kích thước 25,4x76,2mm, dày 1mm-1,2mm.</p>
93	PP2500531368	Lưỡi dao mổ các số hoặc tương đương	Lưỡi dao mổ các số hoặc tương đương	<p>Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với</p>

				mọi loại cán dao mổ tiêu chuẩn fitment số 3 và số 4 cũng như là 3L, 4L & 7... do bất kỳ công ty nào sản xuất. Đóng gói 1x100 cái/hộp. Tiêu chuẩn ISO 13485
94	PP2500531369	Lưỡi dao mổ nhọn hoặc tương đương	Lưỡi dao mổ nhọn hoặc tương đương	Dùng để phẫu thuật. Tiết trùng bằng tia gama.các số khác nhau.
95	PP2500531370	Mask thanh quản 2 nòng	Mask thanh quản 2 nòng	Chất liệu Silicon y tế tương thích sinh học tốt và bảo vệ đường thở . Thiết kế 2 bóng có độ bịt kín cao, áp suất bơm khí lên đến 40cm H <sub>2</sub> O. Các cỡ: 2,5; 3; 4
96	PP2500531371	Merocel hoặc tương đương	Merocel hoặc tương đương	Kích thước 8cm x 1,5cm x 2cm. Khả năng thấm hút cao – lên tới 21 lần trọng lượng của nó trong chất lỏng. Thành phần: Hydroxilated Poly - Vinyl Acetate
97	PP2500531372	Miếng dán kim luân 53 x 80 hoặc tương đương	Miếng dán kim luân 53 x 80 hoặc tương đương	Lớp film mỏng bằng màng polyurethane bán thấm, mức thoát hơi nước $\geq 500$ g/m <sup>2</sup> /24h, keo acrylic. Tiết trùng bằng ethylene oxide, tiêu chuẩn CE. Kích thước 53 x 80mm
98	PP2500531373	Mỡ KY hoặc tương đương	Mỡ KY hoặc tương đương	Bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi thực tràng, bôi trơn âm đạo... đã tiết trùng, không gây dị ứng, không gây kích ứng da. Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn. Không độc hại và không có mùi hôi
99	PP2500531374	Mũ giấy hoặc tương đương	Mũ giấy hoặc tương đương	Nguyên liệu: vải không dệt. Đã tiết trùng. Sử dụng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương
100	PP2500531375	Nhiệt kế hoặc tương đương	Nhiệt kế hoặc tương đương	Nhiệt kế bằng thủy tinh, có cột thủy ngân, đầu đo tiếp nhiệt, Hiện thị nhiệt độ: Từ 35°C đến 42°C, khoảng chia vạch 0,1°C, Độ chính xác: $\pm 0.1^\circ\text{C}$ .
101	PP2500531376	Nước cất 2 lần hoặc tương đương	Nước cất 2 lần hoặc tương đương	Nước cất 2 lần vô khuẩn, dùng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương
102	PP2500531377	Nước Javen 12% hoặc tương đương	Nước Javen 12% hoặc tương đương	Có màu hơi xanh, có mùi đặc trưng. Thành phần: NaClO+NaCl+H <sub>2</sub> O
103	PP2500531378	Ống lấy máu chống đông ETDA hoặc tương đương	Ống lấy máu chống đông ETDA hoặc tương đương	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa $6 \pm 0.1$ ml, nắp nhựa màu xanh

				<p>đương. Hóa chất bên trong là EDTA K2 (Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate) kháng đông cho 2ml máu.</p>
104	PP2500531379	Ống nghiệm chống đông Natri citrat hoặc tương đương	Ống nghiệm chống đông Natri citrat hoặc tương đương	<p>Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước 12x75mm, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đây kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Nắp màu xanh lá cây. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%, hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống. Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định với nồng độ của dung dịch trisodium citrate dihydrat phải ở trong khoảng từ 0,1mol/l đến 0,136mol/l (tương ứng 2,94% đến 4,0%) và Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút, Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu.</p>
105	PP2500531380	Ống nghiệm Heparin hoặc tương đương	Ống nghiệm Heparin hoặc tương đương	<p>Ống nghiệm nhựa PP. Kích thước 12-13x75mm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na<sup>+</sup>, K<sup>+</sup>, Cl<sup>-</sup>...trừ Li<sup>+</sup>), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH<sub>3</sub> và định lượng Alcohol trong máu..</li> <li>- Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium.</li> <li>- Nắp đây ống nghiệm: nắp nhựa/ nắp cao su màu đen. Màu nắp có thể thay đổi tùy theo nhu cầu</li> <li>- Ống nghiệm được đóng trên đế mous cao hoặc đế mous thấp.</li> </ul>
106	PP2500531381	Ống nghiệm nhựa có nắp hoặc tương đương	Ống nghiệm nhựa có nắp hoặc tương đương	<p>Mô tả: Làm từ nhựa PP, nút màu đỏ làm bằng nhựa LDPE, trên ống có dán nhãn. Kích thước ống: dài 7.5cm, đường kính trong 12mm, đường kính ngoài 13mm, đựng tối đa 5ml. Bên trong ống không chứa chất chống đông máu. Tiêu chuẩn: ISO 13485</p>

107	PP2500531382	Ống nghiệm nhựa có nắp Eppendorf 1,5ml hoặc tương đương	Ống nghiệm nhựa có nắp Eppendorf 1,5ml hoặc tương đương	Được làm từ nhựa trong, có nắp an toàn để tránh tình trạng xuất hiện khe hở, với các nút gờ thể hiện dung tích được làm mờ.
108	PP2500531383	Ống nội khí quản các số hoặc tương đương	Ống nội khí quản các số hoặc tương đương	Có bóng chèn. Bóng thể tích lớn, áp lực nhỏ. Có 2 vạch cân quang đánh dấu trên Cuff giúp xác định vị trí của ống trong khí quản. Các cỡ: 2; 2,5; 3;3,5; 4; 4,5; 5; 5,5; 6; 6,5; 7; 7,5
109	PP2500531384	Ống nội khí quản lò so có cuff đặt đường miệng các số hoặc tương đương	Ống nội khí quản lò so có cuff đặt đường miệng các số hoặc tương đương	Được chế tạo bằng PVC, không có DEHP <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ống có lò xo thép bảo vệ hiệu quả ống không bị xoắn và tắc nghẽn</li> <li>• Thể tích cao, áp lực thấp làm giảm áp lực cho đường khí</li> <li>• Hiện thị đường mờ trên ảnh X quang</li> <li>• Murphy Eye</li> </ul> Các cỡ:
110	PP2500531385	Phim khô laser kích cỡ 20x25cm (8x10")	Phim khô laser kích cỡ 20x25cm (8x10")	Phim khô laser kích cỡ 20x25 cm (8x10 inch) - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester- Hỗ trợ lớp nền sập si 7-mil polyester - Phim có thành phần cấu tạo hóa học bao gồm: 90-95% Polyethylene terephthalate; 1-5% Polyvinyl butyral polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer; 1-5% Axit docosanoic, muối bạc(1+) và < 3% Cellulose acetate butyrate - Phim có thể lưu lại trên đèn đọc phim > 24 giờ, ở điều kiện nhiệt độ 16–27 °C hoặc 60–80 °F và điều kiện độ ẩm 30–50 % RH - Mật độ hình ảnh Dmax: 3.3 - Phim có mật độ điểm ảnh tối đa 650 ppi - Tương thích với hệ thống máy in phim laser Trimax của Bệnh viện - Phim được kết hợp với máy in laser Trimax của hãng Carestream để kích hoạt tính năng kiểm soát chất lượng hình ảnh tự động (AIQC). - AIQC hiệu chỉnh máy in Laser để tối ưu hóa chất lượng – và để

				<p>giúp đảm bảo độ tương phản và mật độ đáp ứng các tùy chọn mà người dùng đặt trước.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA</li> <li>- Chứng nhận lưu hành tự do: Mỹ</li> <li>- Đóng gói 125 tờ/hộp.</li> </ul>
111	PP2500531386	Que phết đờm hoặc tương đương	Que phết đờm hoặc tương đương	<p>Chất liệu: Que gỗ - Gòn. Đặc điểm: Thân que bằng gỗ, một đầu gòn, đựng trong ống nghiệm có nhãn, tiệt trùng, dài 15 cm</p>
112	PP2500531387	Sáp parafin hoặc tương đương	Sáp parafin hoặc tương đương	<p>Đặc điểm: Thân que bằng gỗ, một đầu gòn, đựng trong ống nghiệm có nhãn, tiệt trùng, dài 15 cm</p>
113	PP2500531388	Sonde dẫn lưu ổ bụng to hoặc tương đương	Sonde dẫn lưu ổ bụng to hoặc tương đương	<p>Được làm từ nhựa PVC y tế, vô khuẩn. Ống dây mềm, dẻo, màu trắng tự nhiên. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt ISO 13485. Đường kính bên trong ống: 7.0mm. Đường kính bên ngoài ống: 10.0mm</p>
114	PP2500531389	Sonde dẫn lưu ổ bụng số 5ID x 70D hoặc tương đương	Sonde dẫn lưu ổ bụng số 5ID x 70D hoặc tương đương	<p>Được làm từ nhựa PVC y tế, vô khuẩn. Ống dây mềm, dẻo, màu trắng tự nhiên. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt ISO 13485. Đường kính bên trong ống: 5.0mm. Đường kính bên ngoài ống: 7.0mm</p>
115	PP2500531390	Sonde hậu môn hoặc tương đương	Sonde hậu môn hoặc tương đương	<p>Ống thông hậu môn các số 22,24,26,28. Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo. Trên dây có 02 cặp lỗ hình bầu dục đối xứng nhau, một đầu dây được loe hình phễu, đầu còn lại được bo tròn không gây tổn thương cho người sử dụng. Đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016-TUV, ISO 9001:2015.</p>
116	PP2500531391	Sond JJ hoặc tương đương	Sond JJ hoặc tương đương	<p>Gồm 1 sonde JJ + 1 kẹp + 1 que đẩy + chỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống thông: chất liệu Aliphatic polyurethane (PU) - Tecoflex, màu trắng, vạch chỉ thị màu đen</li> <li>- kẹp chất liệu Polycarbonatel, màu xanh</li> <li>- Que đẩy: chất liệu polypropylen (PP) màu đỏ, dài 40-100cm</li> <li>- Chỉ Nylon ở đầu dưới</li> <li>- Kích cỡ: 7Fr, dài 16-30cm</li> <li>- Hai đầu mở, có khả năng chống</li> </ul>

				<p>xoắn, cản quang tốt, vạch chỉ thị độ sâu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiết trùng bằng EO</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE</li> </ul>
117	PP2500531392	Sonde nelaton hoặc tương đương	Sonde nelaton hoặc tương đương	<p>Làm từ cao su tự nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Được phủ 1 lớp silicone.</li> <li>• Có van nhựa hoặc van cao su.</li> </ul>
118	PP2500531393	Dây xông dạ dày cỡ 18 hoặc tương đương	Dây xông dạ dày cỡ 18 hoặc tương đương	<p>Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. - Các cỡ 5,6,8,10,12,14,16,18. Màu theo cỡ số để nhận biết. - Sản phẩm được tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</li> </ul>
119	PP2500531394	Sonde Foley 2 nhánh số 6 hoặc tương đương	Sonde Foley 2 nhánh số 6 hoặc tương đương	<p>Chất liệu 100% cao su thiên nhiên có phủ Dầu silicon trơn nhẵn, giảm kích ứng và tương thích với cơ thể bệnh nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt.</li> <li>- Valve bơm bóng có lò xo , đảm bảo độ ổn định khi cả bơm và xả.Tráng Silicon trong lòng giúp không bị tắc.</li> <li>- Van bơm bóng bằng cao su mềm, bóng hãm hình trụ mềm, đàn hồi tốt, an toàn căng đều, không bị vỡ, không bị dính khi đặt lâu. Các cỡ được phân biệt theo màu sắc.</li> <li>- Size 6-10: chiều dài 270mm, dung tích bóng 3-5ml/cc</li> <li>- Size 12-22: chiều dài 400mm, dung tích bóng 30ml/cc</li> <li>- Tiết trùng bằng khí EO. Đóng gói túi/chiếc</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE</li> </ul>
120	PP2500531395	Sonde Foley 2 nhánh số 8 hoặc tương đương	Sonde Foley 2 nhánh số 8 hoặc tương đương	<p>Chất liệu 100% cao su thiên nhiên có phủ Dầu silicon trơn nhẵn, giảm kích ứng và tương thích với cơ thể bệnh nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt.</li> <li>- Valve bơm bóng có lò xo , đảm bảo độ ổn định khi cả bơm và xả.Tráng Silicon trong lòng giúp không bị tắc.</li> <li>- Van bơm bóng bằng cao su mềm, bóng hãm hình trụ mềm, đàn hồi tốt, an toàn căng đều,</li> </ul>

				<p>không bị vỡ, không bị dính khi đặt lâu. Các cỡ được phân biệt theo màu sắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Size 6-10: chiều dài 270mm, dung tích bóng 3-5ml/cc</li> <li>- Size 12-22: chiều dài 400mm, dung tích bóng 30ml/cc</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói túi/chiếc</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE</li> </ul>
121	PP2500531396	Sonde Foley 2 nhánh số 10 hoặc tương đương	Sonde Foley 2 nhánh số 10 hoặc tương đương	<p>Chất liệu 100% cao su thiên nhiên có phủ Dầu silicon trơn nhẵn, giảm kích ứng và tương thích với cơ thể bệnh nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt.</li> <li>- Valve bơm bóng có lò xo , đảm bảo độ ổn định khi cả bơm và xả. Tráng Silicon trong lòng giúp không bị tắc.</li> <li>- Van bơm bóng bằng cao su mềm, bóng hãm hình trụ mềm, đàn hồi tốt, an toàn căng đều, không bị vỡ, không bị dính khi đặt lâu. Các cỡ được phân biệt theo màu sắc.</li> <li>- Size 6-10: chiều dài 270mm, dung tích bóng 3-5ml/cc</li> <li>- Size 12-22: chiều dài 400mm, dung tích bóng 30ml/cc</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói túi/chiếc</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE</li> </ul>
122	PP2500531397	Sonde Foley 2 nhánh số 12 hoặc tương đương	Sonde Foley 2 nhánh số 12 hoặc tương đương	<p>Chất liệu 100% cao su thiên nhiên có phủ Dầu silicon trơn nhẵn, giảm kích ứng và tương thích với cơ thể bệnh nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt.</li> <li>- Valve bơm bóng có lò xo , đảm bảo độ ổn định khi cả bơm và xả. Tráng Silicon trong lòng giúp không bị tắc.</li> <li>- Van bơm bóng bằng cao su mềm, bóng hãm hình trụ mềm, đàn hồi tốt, an toàn căng đều, không bị vỡ, không bị dính khi đặt lâu. Các cỡ được phân biệt theo màu sắc.</li> <li>- Size 6-10: chiều dài 270mm, dung tích bóng 3-5ml/cc</li> <li>- Size 12-22: chiều dài 400mm, dung tích bóng 30ml/cc</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng</li> </ul>

				gói túi/chiếc - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE
123	PP2500531398	Sonde Foley 2 nhánh số 14 hoặc tương đương	Sonde Foley 2 nhánh số 14 hoặc tương đương	<p>Chất liệu 100% cao su thiên nhiên có phủ Dầu silicon tron nhãn, giảm kích ứng và tương thích với cơ thể bệnh nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt.</li> <li>- Valve bơm bóng có lò xo , đảm bảo độ ổn định khi cả bơm và xả.Tráng Silicon trong lòng giúp không bị tắc.</li> <li>- Van bơm bóng bằng cao su mềm, bóng hãm hình trụ mềm, đàn hồi tốt, an toàn căng đều, không bị vỡ, không bị dính khi đặt lâu. Các cỡ được phân biệt theo màu sắc.</li> <li>- Size 6-10: chiều dài 270mm, dung tích bóng 3-5ml/cc</li> <li>- Size 12-22: chiều dài 400mm, dung tích bóng 30ml/cc</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói túi/chiếc</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE</li> </ul>
124	PP2500531399	Sonde Foley 2 nhánh số 16 hoặc tương đương	Sonde Foley 2 nhánh số 16 hoặc tương đương	<p>Chất liệu 100% cao su thiên nhiên có phủ Dầu silicon tron nhãn, giảm kích ứng và tương thích với cơ thể bệnh nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt.</li> <li>- Valve bơm bóng có lò xo , đảm bảo độ ổn định khi cả bơm và xả.Tráng Silicon trong lòng giúp không bị tắc.</li> <li>- Van bơm bóng bằng cao su mềm, bóng hãm hình trụ mềm, đàn hồi tốt, an toàn căng đều, không bị vỡ, không bị dính khi đặt lâu. Các cỡ được phân biệt theo màu sắc.</li> <li>- Size 6-10: chiều dài 270mm, dung tích bóng 3-5ml/cc</li> <li>- Size 12-22: chiều dài 400mm, dung tích bóng 30ml/cc</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói túi/chiếc</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE</li> </ul>
125	PP2500531400	Sonde Foley 3 nhánh số 18 hoặc tương đương	Sonde Foley 3 nhánh số 18 hoặc tương đương	<p>Chất liệu cao su tự nhiên ,Phủ Silicon,các số 16,18,20.</p>

126	PP2500531401	Sonde Foley 3 nhánh số 16 hoặc tương đương	Sonde Foley 3 nhánh số 16 hoặc tương đương	Chất liệu cao su tự nhiên ,Phủ Silicon,các số 16,18,20.
127	PP2500531402	Tăm bông vô trùng hoặc tương đương	Tăm bông vô trùng hoặc tương đương	Trong bao nylon riêng lẻ hàng kín, thích hợp cho lấy các mẫu vi sinh không cần môi trường chuyên chở.
128	PP2500531403	Tấm trải nylon hoặc tương đương	Tấm trải nylon hoặc tương đương	Nylon mảnh HD Màu sắc đồng đều, có độ trong,bóng bề mặt, có độ cứng nhất định, dễ gấp nếp. Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách thủng, ko kích ứng da. Trọng lượng (g/cái): 34g – 35g/m2 ( $\pm$ 1g). Tiệt trùng bằng khí EO.Gas - Đóng gói: 1 cái/ gói. Được đóng gói trong bao bì giấy tiệt trùng có màu chỉ thị dùng trong y tế
129	PP2500531404	Túi camers hoặc tương đương	Túi camers hoặc tương đương	1. Ống nylon 18 x 230 cm. Dây buộc 2 ly 2 x60 cm 2.Túi nylon 9 x 14 cm. Dây buộc 2 ly 2 x 30cm Màu sắc đồng đều, có độ trong,bề mặt mịn có độ dẻo dai. + Dây cotton màu trắng, có độ bền cao. Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Được đóng gói trong bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế.
130	PP2500531405	Túi đựng máu hoặc tương đương	Túi đựng máu hoặc tương đương	Hệ thống túi máu dùng một lần bằng PVC y tế - Thể tích túi tối đa tới 300ml, phù hợp chứa đơn vị lấy máu 250ml, trong túi chứa sẵn 35ml dung dịch chống đông CPDA-1 - Ống dây lấy máu có chiều dài lên tới 1020mm (980 $\pm$ 40), có 12 dây số (segments) và có kẹp để khóa tạm thời ống dây lấy máu. - Kim lấy máu cỡ 16G -Tiệt trùng - Kích thước túi: + Chiều cao bên trong: 141 $\pm$ 5 mm và chiều rộng bên trong: 120 $\pm$ 5 mm + Chiều cao bên ngoài: 201 $\pm$ 5 mm và chiều rộng bên ngoài: 130 $\pm$ 5 mm

131	PP2500531406	Túi đựng nước tiểu hoặc tương đương	Túi đựng nước tiểu hoặc tương đương	Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiểu niệu. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxit (E.O).
132	PP2500531407	Viên sát khuẩn hoặc tương đương	Viên sát khuẩn hoặc tương đương	50% w/w Sodium Dichloroisocyanurate (2,5 gram Sodium Dichloroisocyanurate/ viên 5 gram), Citric Acid 10-20%, và thành phần khác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
133	PP2500531408	Vôi Soda hoặc tương đương	Vôi Soda hoặc tương đương	Dùng để hấp thụ khí CO <sub>2</sub> trong phòng chống độc. Thành phần chính Ca(OH) <sub>2</sub> . NaOH. Can 4,5 kg
134	PP2500531409	Que thử đường huyết + kim hoặc tương đương	Que thử đường huyết + kim hoặc tương đương	Công nghệ: Cảm biến sinh học (biosensor) Men que thử: GOD Khoảng đo: 1.1-33.3 mmol/L (20-600mg/dL) Loại mẫu phẩm: Máu mao mạch (đầu ngón tay, gan bàn tay, trên cánh tay) Đối tượng sử dụng (HCT) 30-55% Lượng mẫu máu: 1.0µ L Đơn vị đo: mmol/L (hoặc mg/dL) Điều kiện làm việc: +15~30°C Điều kiện bảo quản: +2~30°C Có kèm theo Kim lấy máu. Dùng cho máy On - Call Plus
135	PP2500531410	Muối hoàn nguyên hoặc tương đương	Muối hoàn nguyên hoặc tương đương	Viên nén màu trắng NaCl ≥ 99%
136	PP2500531411	Que thử Độ cứng của nước hoặc tương đương	Que thử Độ cứng của nước hoặc tương đương	Mục đích sử dụng: Dùng để kiểm tra độ cứng của nước trong chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống nước RO của bệnh viện. Có thể kiểm tra nước với các

				<p>nồng độ: 0, 10, 25, 50 và 120ppm Không sử dụng để kiểm tra nước có độ cứng &gt; 120 ppm. Thời gian nhúng: 1 giây Thời gian đọc kết quả: 10 giây</p>
137	PP2500531412	Que thử nồng độ axit peracetic hoặc tương đương	Que thử nồng độ axit peracetic hoặc tương đương	<p>Dùng để kiểm tra hoạt lực của axit peracetic khi ngâm dụng cụ, quả lọc Có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả chính xác tại thời điểm: 10 giây</p>
138	PP2500531413	Que thử tồn dư Peroxide hoặc tương đương	Que thử tồn dư Peroxide hoặc tương đương	<p>Dùng để kiểm tra nồng độ của chất khử khuẩn acid peracetic/ peroxide đã được giảm xuống mức an toàn sau khi rửa quả lọc, máy chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống xử lý nước Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả : 15 giây</p>
139	PP2500531414	Dung dịch bảo quản quả lọc thận hoặc tương đương	Dung dịch bảo quản quả lọc thận hoặc tương đương	<p>Tác dụng: Tiệt khuẩn Thành phần: Acid Paracetic: 5%, Hydrogen peroxid: 25%, Acid acetic: 9%,</p>
140	PP2500531415	Nẹp 6 lỗ dày hẹp hoặc tương đương	Nẹp 6 lỗ dày hẹp hoặc tương đương	<p>Nước sản xuất: Vùng Châu Âu - Nẹp dày 2.5mm; rộng: 10.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 12mm; - Số lỗ trên thân nẹp: 6 lỗ; dài 78 mm - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)</p>
141	PP2500531416	Nẹp 6 lỗ lòng máng hoặc tương đương	Nẹp 6 lỗ lòng máng hoặc tương đương	<p>Nẹp dày 1.5mm; rộng: 10.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 12.0mm; Số lỗ trên thân nẹp: 6 lỗ; dài 78 mm Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu</p>

				chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)
142	PP2500531417	Đinh Kisne 2 đầu hoặc tương đương	Đinh Kisne 2 đầu hoặc tương đương	Đường kính: 3.0 mm; Dài 310mm, chất liệu thép.
143	PP2500531418	Đinh Kisne 2 đầu hoặc tương đương	Đinh Kisne 2 đầu hoặc tương đương	Đường kính: 2.2 mm; Dài 310mm, chất liệu thép.
144	PP2500531419	Đinh Kisne 2 đầu hoặc tương đương	Đinh Kisne 2 đầu hoặc tương đương	Đường kính: 2.5 mm; Dài 310mm, chất liệu thép.
145	PP2500531420	Chỉ thép số 1 hoặc tương đương	Chỉ thép số 1 hoặc tương đương	Đường kính từ 0.4mm đến 0.9mm - chiều dài 10m/cuộn; - chất liệu thép không gỉ
146	PP2500531421	Chỉ thép số 2 hoặc tương đương	Chỉ thép số 2 hoặc tương đương	Đường kính từ 0.4mm đến 0.9mm - chiều dài 10m/cuộn; - chất liệu thép không gỉ
147	PP2500531422	Vít cứng 3.5mm x 16mm hoặc tương đương	Vít cứng 3.5mm x 16mm hoặc tương đương	Đường kính ren 3,5mm; đường kính mũ vít lục giác 5,9mm; Chiều Dài 16mm
148	PP2500531423	Vít cứng 3.5mm x 18mm hoặc tương đương	Vít cứng 3.5mm x 18mm hoặc tương đương	Đường kính ren 3,5mm; đường kính mũ vít lục giác 5,9mm; Chiều Dài 18mm
149	PP2500531424	Vít cứng 4.5mm x 30mm hoặc tương đương	Vít cứng 4.5mm x 30mm hoặc tương đương	đường kính ren 4.5mm; đường kính mũ vít 7.9mm; mũ tô vít 3.5mm. Chiều dài 30mm
150	PP2500531425	Vít cứng 4.5mm x 32mm hoặc tương đương	Vít cứng 4.5mm x 32mm hoặc tương đương	đường kính ren 4.5mm; đường kính mũ vít 7.9mm; mũ tô vít 3.5mm. Chiều dài 32mm
151	PP2500531426	Vít cứng 4.5mm x 26mm hoặc tương đương	Vít cứng 4.5mm x 26mm hoặc tương đương	đường kính ren 4.5mm; đường kính mũ vít 7.9mm; mũ tô vít 3.5mm. Chiều dài 26mm
152	PP2500531427	Vít cứng 4.5mm x 28mm hoặc tương đương	Vít cứng 4.5mm x 28mm hoặc tương đương	đường kính ren 4.5mm; đường kính mũ vít 7.9mm; mũ tô vít 3.5mm. Chiều dài 28mm
153	PP2500531428	Nút cao su Trocar hoặc tương đương	Nút cao su Trocar hoặc tương đương	kích thước 11mm
154	PP2500531429	Nút cao su Trocar hoặc tương đương	Nút cao su Trocar hoặc tương đương	kích thước 6mm
155	PP2500531430	Mũi khoan xương 3.5 hoặc tương đương	Mũi khoan xương 3.5 hoặc tương đương	Đường kính 3.5
156	PP2500531431	Mũi khoan xương 4.5 hoặc tương đương	Mũi khoan xương 4.5 hoặc tương đương	Đường kính 4.5
157	PP2500531432	Cọc truyền hoặc tương đương	Cọc truyền hoặc tương đương	Chất liệu : Inox bóng sáng BA Kích thước khoảng: 1200 - 2000mm Cọc truyền được kết cấu bởi phần thân làm bằng ống Φ 22x0.8mm. Bao ngoài là ống Φ 25x0.8mm, có vít hãm cố định

				đọc thân ống theo chiều cao có thể di chuyển độ dài. Phía trên có 2 móc inox chắc chắn tải trọng 6kg. Phần chân: Chia ra 3 nhánh được làm bằng hộp inox 30x60x0.8mm có chiều dài từ trụ là 250mm, bánh xe di chuyển thuận tiện.
158	PP2500531433	Bao đo huyết áp máy Monitor người lớn và trẻ em hoặc tương đương	Bao đo huyết áp máy Monitor người lớn và trẻ em hoặc tương đương	Chất liệu vải, kích thước 5 cm dùng cho máy Monitor OMNI III

### *Ghi chú*

- Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu. Trong trường hợp đó, nhà thầu phải giải trình, chứng minh mặt hàng dự thầu có tính năng, thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn so với yêu cầu của E-HSMT.

- Nhà thầu cung cấp hàng hóa theo đúng thông số kỹ thuật quy định hoặc tương đương hoặc tốt hơn.

- “Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật, có tính năng sử dụng là tương đương với các hàng hóa đã nêu trên (kèm theo tài liệu, catalogue để chứng minh).

### ***1.3. Các yêu cầu khác***

Nhà thầu thực hiện yêu cầu theo các mục dưới đây và nộp kèm E-HSĐT

#### **1.3.1 Bảng cam kết:**

Nhà thầu phải nộp kèm E-HSĐT bảng cam kết **đúng mẫu, đầy đủ và đúng các nội dung** theo mẫu dưới đây. Trường hợp còn các nội dung khác mà nhà thầu muốn cam kết với Trung tâm thì nhà thầu thực hiện Bảng cam kết khác, không làm thay đổi nội dung bảng cam kết này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

**BẢNG CAM KẾT**

Kính gửi: **Trung tâm Y tế khu vực Chi Lăng**

Sau khi nghiên cứu E -HSMT gói thầu \_\_\_\_ [*ghi chính xác tên của gói thầu*] và văn bản sửa đổi E - HSMT số \_\_\_\_ [*ghi chính xác số của văn bản sửa đổi (nếu có)*], ngoài các nội dung cam kết trong đơn dự thầu, chúng tôi, \_\_\_\_ [*ghi chính xác tên nhà thầu*], cam kết thực hiện gói thầu theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu với các nội dung sau:

1. Hạch toán tài chính độc lập;
2. Độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây: Chủ đầu tư, bên mời thầu, thẩm định hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật; Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu;
4. Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu.
5. Cam kết số liệu tài chính kê khai trong E-HSMT đúng với số liệu đã kê khai với cơ quan thuế. Sẵn sàng cử cán bộ mang theo token để đối chiếu với số liệu đã kê khai trên Hệ thống thuế điện tử khi có yêu cầu của bên mời thầu.
6. Cam kết sẵn sàng cung cấp bản gốc các tài liệu để đối chiếu khi có yêu cầu của Bên mời thầu
7. Cam kết các tài liệu trong hồ sơ dự thầu này đều trung thực, hợp pháp. Nếu có dấu hiệu gian lận hoặc không trung thực thì HSMT xem như không hợp lệ;
8. Cam kết cung cấp hàng hóa trúng thầu đảm bảo chất lượng, kỹ thuật đáp ứng hồ sơ mời thầu và đúng với hồ sơ dự thầu, cũng như các giấy tờ pháp lý liên quan đến chất lượng hàng hóa hợp lệ và đúng quy định.
9. Cam kết hàng hóa cung cấp phải đảm bảo mới 100%, còn hạn sử dụng theo khuyến cáo của nhà sản xuất đáp ứng yêu cầu HSMT.
10. Cam kết hàng hóa có nhãn với đầy đủ thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật về nhãn mác hàng hóa.
11. Cam kết Đóng gói, vận chuyển: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
12. Cam kết Bảo quản hàng hóa: Theo quy định của nhà sản xuất.
13. Cam kết thu hồi và thay thế, đổi trả 1:1 khi với trường hợp sau:
  - Hàng hóa kiểm tra và thử nghiệm không phù hợp với đặc tính kỹ thuật đã chào thầu.

- Trường hợp hàng hóa bị lỗi, bị hỏng hoặc có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa do lỗi của nhà thầu, hoặc khi có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền.

14. Cam kết hạn dùng của hàng hóa tại thời điểm giao hàng: Hạn sử dụng của hàng hóa tính từ thời điểm cung ứng đến cơ sở y tế phải đảm bảo:

- Tối thiểu còn  $\geq 12$  tháng đối với hàng hóa có hạn sử dụng quy định của nhà sản xuất từ 24 tháng trở lên;

- Tối thiểu còn  $\geq 6$  tháng đối với hàng hóa có hạn sử dụng quy định của nhà sản xuất từ  $\geq 12$  tháng đến  $< 24$  tháng;

- Tối thiểu còn  $1/4$  hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng  $< 12$  tháng;

- Trong các trường hợp đặc biệt khác, nhà thầu phải có báo cáo bằng văn bản. Đối với hàng hóa không ghi hạn sử dụng phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau.

15. Cam kết bảo đảm khả năng cung ứng đầy đủ hàng hóa nếu trúng thầu.

16. Cam kết về tiến độ cung cấp  $\leq 05$  ngày kể từ khi tiếp nhận thông tin yêu cầu của Chủ đầu tư (email hoặc điện thoại Nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm trong việc bàn giao, hướng dẫn sử dụng để bảo đảm hiệu quả, chất lượng, an toàn cho người bệnh và nhân viên sử dụng.

17. Cam kết cử cán bộ kỹ thuật khi được yêu cầu.

18. Giấy chứng nhận chất lượng và tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ cung cấp hàng hóa: Nhà thầu cam kết cam kết cung cấp bản gốc (nếu có) hoặc bản đã được hợp pháp hoá lãnh sự khi có yêu cầu của bên mời thầu để đối chiếu.

19. Cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT

20. Cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung khác đã được cam kết trong E-HSMT và yêu cầu của E-HSMT.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu trong E - HSMT này (kể cả tài liệu nộp dư), nếu có dấu hiệu gian lận hoặc không trung thực thì E - HSMT xem như không hợp lệ.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

### **1.3.2 Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa dự thầu:**

1. Catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (cung cấp cả bản gốc và bản dịch) nêu rõ đối với từng loại hàng hóa:

- Model, ký mã hiệu, nhãn hiệu sản phẩm (theo quy định của nhà sản xuất);
- Tên hãng sản xuất, hãng chủ sở hữu;
- Xuất xứ;
- Thông số kỹ thuật hàng hóa;
- Quy cách hàng hóa (nếu có);

2. Nhà thầu chọn một trong hai trường hợp 2.1 hoặc 2.2 để cung cấp tài liệu chứng minh:

**2.1 Hàng hóa là trang thiết bị y tế:** cung cấp các tài liệu sau

- Bản phân loại trang thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP; Nghị định số 04/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành. (Đính kèm phiếu tiếp nhận đủ điều kiện phân loại trang thiết bị y tế của đơn vị phân loại)
- Giấy chứng nhận nhà sản xuất/cơ sở sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 (còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu).
- Nhà thầu chọn một trong hai trường hợp (i) hoặc (ii) để cung cấp tài liệu:

(i) Đối với hàng hóa nhập khẩu: số lưu hành còn hạn hoặc được cấp phép nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP; Nghị định số 04/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

+ Đối với trang thiết bị y tế loại A, B: Số công bố và Phiếu tiếp nhận (hoặc Phiếu thông tin) Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế trên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế (dmec.moh.gov.vn),

+ Đối với trang thiết bị y tế loại C, D: Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế theo quy định.

(ii) Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: số công bố và Phiếu tiếp nhận (hoặc Phiếu thông tin) hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất đối với trang thiết bị y tế sản xuất trong nước, theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP; Nghị định số 04/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành.

**2.2 Hàng hóa không phải là trang thiết bị y tế:** cung cấp tài liệu sau

- Giấy chứng nhận nhà sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương (còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu).

**\* Ghi chú:**

- Các tài liệu phải đáp ứng yêu cầu sau:

+ Nhà thầu phải cung cấp file scan (màu) từ bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực của cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật. Nếu tài liệu được cấp trực

tuyển thì phải là bản được tải trực tiếp từ website/cổng thông tin và có đường dẫn để tra cứu hoặc bản có dấu xác nhận của nhà thầu/đơn vị liên quan, nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của tài liệu.

+ Tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt Nam và nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác của nội dung dịch thuật khi phát hành. Trong trường hợp có sự sai khác giữa bản dịch và bản gốc thì Bên mời thầu sẽ đánh giá dựa vào bản gốc.

### **1.3.3 Bảng kê khai tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa dự thầu:**

Nhà thầu phải nộp kèm E-HSDT bảng kê khai tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa dự thầu theo mẫu dưới đây.

**BẢNG KÊ KHAI TÀI LIỆU CHỨNG MINH TÍNH HỢP LỆ CỦA HÀNG HÓA DỰ THẦU**

**Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa dự thầu theo yêu cầu tại Mục 1.3.2 Chương V**

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Hãng sản xuất, Hãng chủ sở hữu, model, mã hàng (nếu có)	Xuất xứ	Kết quả phân loại TTBYT	Số lưu hành hoặc số GPNK	Tiêu chuẩn chất lượng	Phiếu tiếp nhận Hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán/sản xuất TTBYT (nếu có)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
(Nhà thầu nhập STT hàng hóa theo E-HSMT )	(Nhà thầu nhập danh mục hàng hóa theo E-HSMT)	(Nhà thầu nhập thông tin liên quan)	(Nhà thầu nhập thông tin liên quan)	(ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ)	(Ghi cụ thể kết quả phân loại TTBYT: A/B/C/D, do đơn vị nào phân loại)	(Ghi cụ thể số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu, ví dụ: - Số công bố: .../PCBB-HCM ngày ..., hoặc: - Số Giấy phép nhập khẩu: ...NK/BYT-TB-CT ngày ..., hoặc: - Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành TTBYT thuộc loại C, D số ...ĐKLH/BYT... ngày ...) - Nếu TTBYT thuộc loại C, D theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 76 Nghị định số 07/2023/NĐ-CP và các quy định hiện hành.	(Ghi cụ thể thông tin, ví dụ: ISO 13485:2016 cấp cho hãng ... ngày ..., có hiệu lực đến ...; ISO 9001 ...)	(Ghi cụ thể thông tin, ví dụ: - Phiếu tiếp nhận Hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán/sản xuất TTBYT số ... ngày ...	(Đối với hàng hóa không phải TTBYT, nhà thầu kê khai: “Hàng hóa không phải TTBYT” vào cột (9) và nhập thông tin có liên quan vào cột (5) và (8)

## **Mục 2. Bản vẽ**

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ.

## **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Thiết bị được kiểm tra, nghiệm thu, chạy thử theo quy định của pháp luật trước khi đưa vào sử dụng.

Bên mời thầu có quyền yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm:

- + Địa điểm: Tại đơn vị sử dụng.
- + Thời gian: do các bên thỏa thuận;
- + Nội dung kiểm tra: kiểm tra toàn bộ hàng hóa theo yêu cầu của hợp đồng;
- + Chi phí tổ chức thực hiện: do nhà thầu chi trả.

- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên mời thầu có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên mời thầu có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên mời thầu không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ